

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI
THƯỜNG (VNF)

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
4. Mô hình quản trị , tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lí.....	7
6. Rủi ro	10
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2012	13
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	13
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình thực hiện dự án.....	17
4. Tình hình tài chính.....	18
5. Thống kê về cổ đông.....	19
III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	20
1. Đánh giá chung kết quả hoạt động trong năm	20
2. Tình hình tài chính.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	21
4. Kế hoạch kinh doanh và dự kiến đầu tư 2013	22
IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	23
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	24
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.....	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	25
1. Hội đồng Quản trị	25
2. Ban kiểm soát	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	32
1. Ý kiến của kiểm toán viên	32
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	33

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: VINAFREIGHT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103000781
Ngày cấp: cấp ngày 14/01/2002 (đăng ký thay đổi lần 4 vào ngày 12/06/2008)
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 56.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 56.000.000.000VNĐ

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Số điện thoại: (08) 3844 6409

Số fax: (08) 3848 8539

Chi nhánh và Văn phòng đại diện

Chi nhánh VINAFREIGHT Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 4, toà nhà VOCARIMEX, Số 08 phố Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh VINAFREIGHT Hải Phòng

Địa chỉ: Phòng 212, tầng 2, 441 Đà Nẵng, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

Văn phòng VINAFREIGHT Đà Nẵng

Địa chỉ: 184 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Văn phòng VINAFREIGHT Quy Nhơn

Địa chỉ: Lô 202 Hoàng Quốc Việt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Văn phòng VINAFREIGHT Nha Trang

Địa chỉ: 120B Trịnh Phong, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Văn phòng VINAFREIGHT Cần Thơ

Địa chỉ: 29 Cách Mạng Tháng Tám, Cần Thơ, Việt Nam.

- Website: www.vinafreight.com.vn
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 5.600.000 cổ phần
- Niêm yết tại: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Mã cổ phiếu: VNF

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ năm 1997 đến năm 2000

- Vinafreight là đơn vị chuyên về vận tải hàng không thuộc công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM (Vinatrans), chuyên thực hiện các dịch vụ về vận chuyển hàng không, dịch vụ hậu cần và đại lý tàu biển.

Năm 2001

- Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển xí nghiệp dịch vụ kho vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, tên giao dịch là Vinafreight với số vốn điều lệ ban đầu 18 tỷ đồng chuyên kinh doanh dịch vụ vận tải nội địa quốc tế, kinh doanh kho bãi, cho thuê văn phòng, xuất nhập khẩu...
- Đại hội đồng cổ đông đầu tiên của Công ty được tiến hành thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức, cơ cấu quản lý công ty.

Năm 2002

- Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân được Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 14/01/2002; đăng kí thay đổi lần 4 vào ngày 12/06/2008.
- Công ty chính thức trở thành thành viên của VIFFAS, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp phát triển của Công ty.
- Từ thời điểm đó, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, Công ty không ngừng phát triển, mở rộng thêm chi nhánh, góp vốn liên doanh liên kết và các công ty trong và ngoài ngành.

Năm 2003

- Thành lập văn phòng Công ty tại khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore.
- Góp vốn thành lập Công ty vận tải Việt – Nhật (Konoike – Vina).
- Thành lập chi nhánh công ty tại TP.Hà Nội. Trụ sở đặt tại số 2 Bích Câu, Đống Đa. Hiện nay chi nhánh đã dời về Tầng 4, tòa nhà Vocarimex số 8 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.
- Thành lập Phòng đại lý hãng tàu UASC tại số 12 Nguyễn Huệ, Quận 1 sau chuyển về văn phòng số 5 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP.HCM
- Văn phòng Công ty ở khu chế xuất Tân Thuận chính thức đi vào hoạt động.
- Thành lập chi nhánh Công ty tại thành phố Hải Phòng. Trụ sở đặt tại số 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hải An, TP.Hải Phòng.
- Văn phòng Công ty ở khu chế xuất Amata (Đông Nai) chính thức đi vào hoạt động.

Năm 2004

- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Vector Quốc tế chuyên về dịch vụ Tổng đại lý cho các hãng hàng không, lần lượt được chỉ định là Tổng đại lý hàng hóa của Malaysia Airlines, China Southern Airlines, K-miles, Uzbekistan Airways, Egypt Air, Scandinavian Air Services và nhiều hãng hàng không khác.

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Thành lập các phòng Nhập Hàng Không, phòng Giao nhận Xuất Hàng không, phòng Logistics trên cơ sở phòng Giao nhận Hàng không.
- Góp vốn thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.
- Góp vốn thành lập Công ty TNHH 2 thành viên VAX Global.

Năm 2005

- Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Kintetsu VietNam.
- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Viễn Đông (Far East) chuyên về dịch vụ giao nhận, dịch vụ hàng không. Công ty Viễn Đông được chỉ định là Tổng đại lý hàng hóa của hãng Hàng không Cargo Italia.
- Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinafreight.

Năm 2006

- Công ty triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa và quốc tế Vinaquick.
- Góp vốn thành lập Công ty Liên doanh TNHH Jardine Shipping Services Vietnam.
- Thành lập phòng phát chuyển nhanh Vinaquick.

Năm 2007

- Chính thức đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
- Tăng vốn điều lệ từ 27 tỷ lên mức 56 tỷ đồng.

Năm 2008

- Công ty thực hiện trọn gói việc vận chuyển máy móc thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất cho 1 số khách hàng lớn từ nước ngoài về Việt Nam để sản xuất và tái xuất đi các nước.
- Công ty Vector chính thức đảm nhận khai thác chuyển bay feeder hàng hóa SGN-BKK, tần suất 5 chuyến/tuần ; ngoài ra Công ty còn thực hiện thuê máy bay vận tải cỡ lớn để vận chuyển 1 máy bay trực thăng đi nước ngoài sửa chữa, trở thành công ty GSA đầu tiên của Việt Nam thực hiện các nghiệp vụ này.

Năm 2009

- Mở văn phòng tại Bình Dương để thực hiện các dịch vụ trọn gói cho các khách hàng lớn thuộc các khu công nghiệp ở Bình Dương.
- Công ty Vector được chỉ định làm đại lý cho hãng HongKong Air, khai thác máy bay Freighter của hãng Transaero.

Năm 2010

- Ngày 22/11/2010 là ngày giao dịch chính thức của cổ phiếu VNF của CTCP Vận tải Ngoại Thương trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Năm 2011

- Tháng 10/2011, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không Toàn cầu Vina Vinatrans (VAX Global) quyết định giải thể Công ty, là một trong số các Công ty liên kết của Vinafreight (chiếm 40% vốn góp).
- Tháng 11/2011, Công ty góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam).

Năm 2012

- Công ty tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc tế nâng tỷ lệ vốn góp lên 88.2%.
- Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các Hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

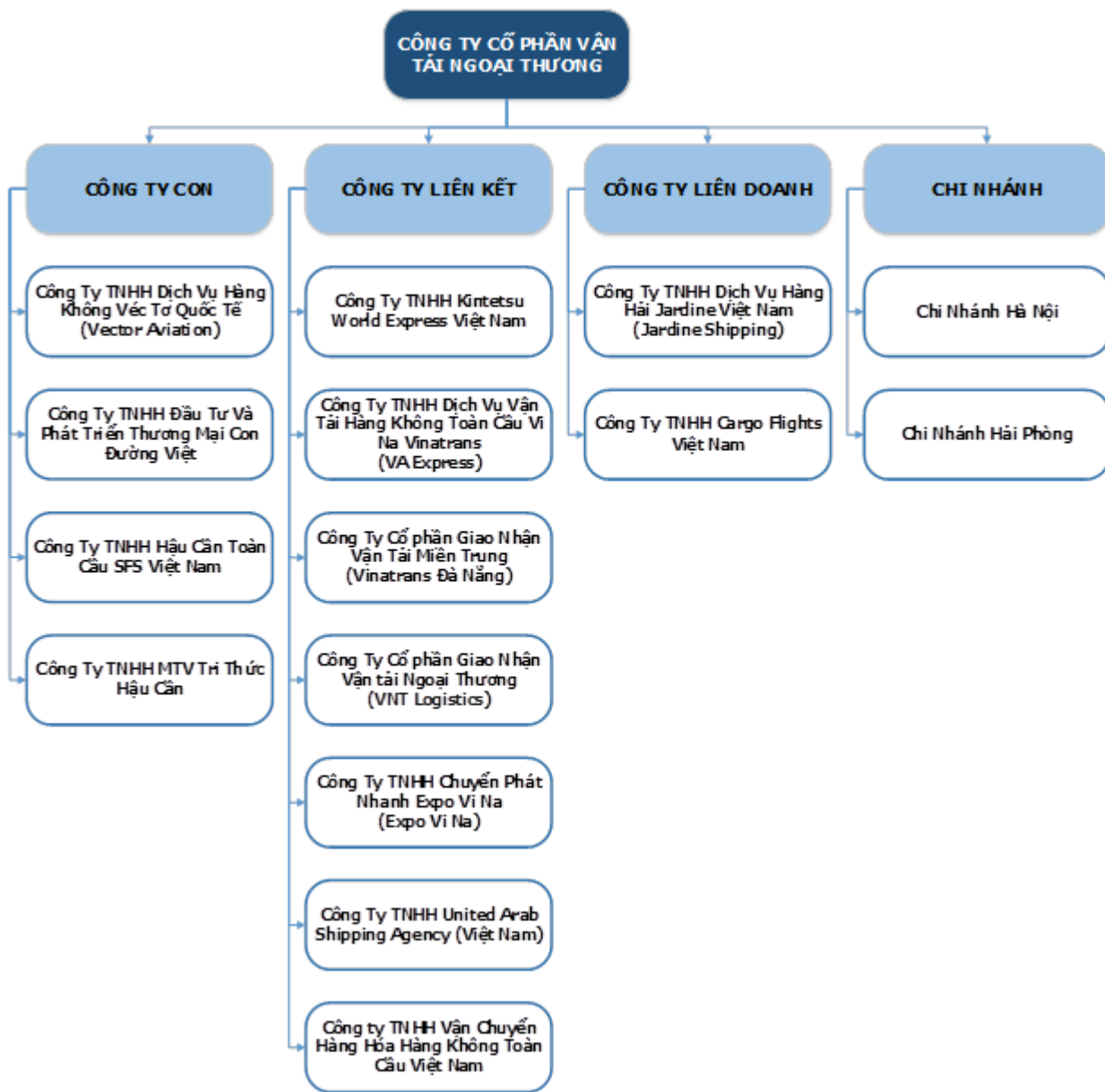
❖ **Địa bàn kinh doanh chính hiện nay**

Trong nước: Tp. HCM, HN, HP và các tỉnh thành khác ở VN

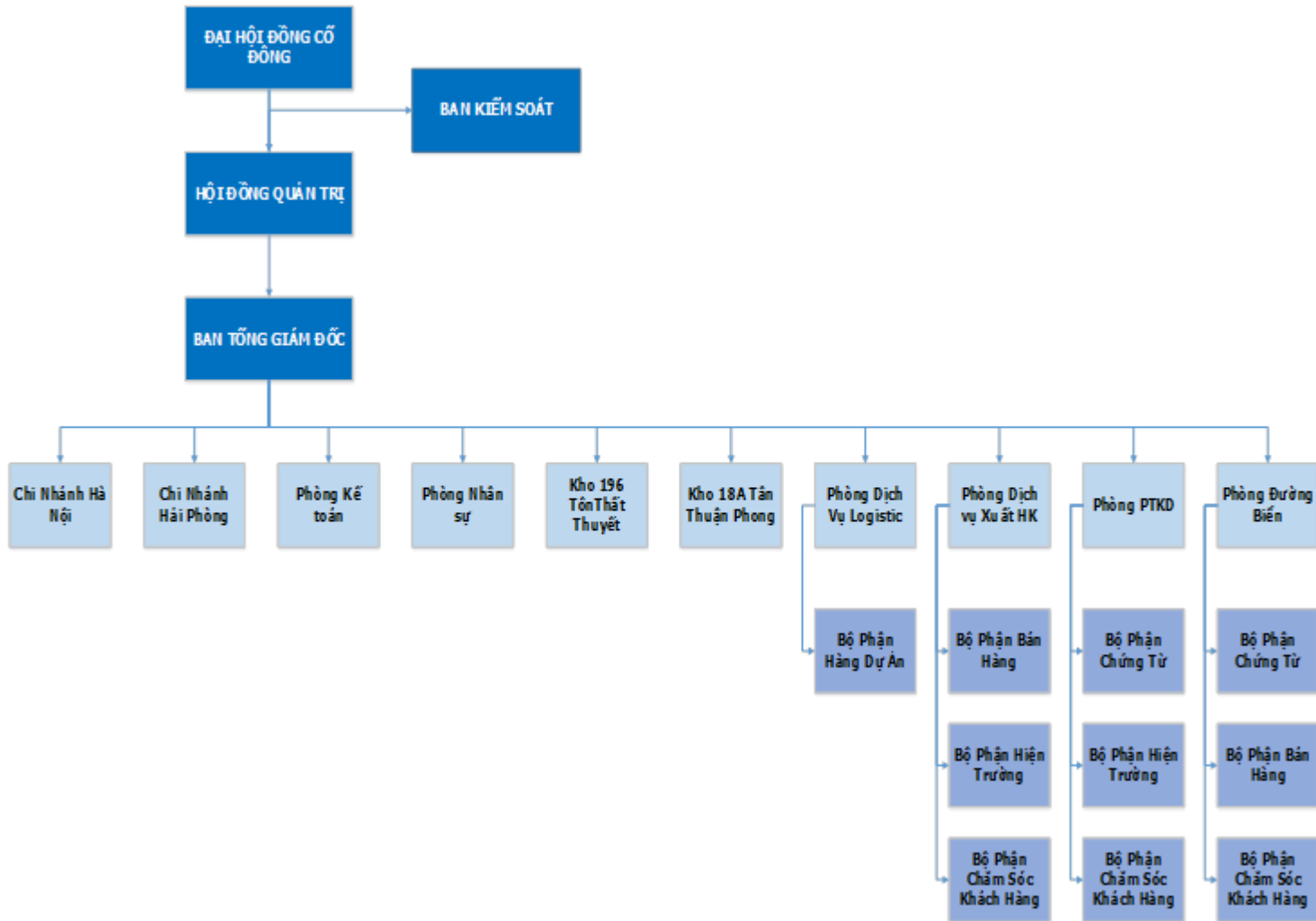
Quốc tế: tập trung thị trường Châu Á, châu Âu, châu Mỹ và các nước khác trên thế giới

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị



❖ Cơ cấu bộ máy quản lý



❖ Các Công ty con, Công ty liên quan

Công ty con

- Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)
Địa chỉ: 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM
Tỷ lệ sở hữu : 88,2%
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương Mại Con Đường Việt (Vietway)
Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Tỷ lệ sở hữu : 89,12%
- Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam
Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Tỷ lệ sở hữu : 100%
- Công ty TNHH MTV Tri Thức Hậu Cần

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Địa chỉ: 39B Trường Sơn, Phường Sơn 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

Tỷ lệ sở hữu : 88,2%

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Jardine Viet Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33Bis Mạc Đĩnh Chi, Q.1, TP.HCM

Tỷ lệ sở hữu : 51%

- Công ty TNHH Cargo Flights Việt Nam

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Tỷ lệ sở hữu : 44,98%

Công ty liên kết

- Công ty TNHH Kintetsu World Express Viet Nam (Kintetsu)

Địa chỉ: Số 51, đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Tỷ lệ sở hữu : 48,9%

- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA express)

Địa chỉ: A8 đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

Tỷ lệ sở hữu : 40%

- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184 đường Trần Phú, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Tỷ lệ sở hữu : 29,28%

- Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương (VNT Logistics)

Địa chỉ: Số 02 đường Bích Câu, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội

Tỷ lệ sở hữu : 24,12%

- Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expovina (Expovina)

Địa chỉ: Số 18 đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, TP.HCM

Tỷ lệ sở hữu : 39%

- Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)

Địa chỉ: Tầng 14, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM.

Tỷ lệ sở hữu : 49%

- Công ty TNHH Vận chuyển Hàng hóa Hàng Không Toàn Cầu Việt Nam

Địa chỉ: Số 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM.

Tỷ lệ sở hữu : 43,22%

5. Định hướng phát triển

❖ Mục tiêu chính

Sứ mệnh: Khẳng định thương hiệu Vinafreight trong mắt khách hàng và đối tác trong nước cũng như quốc tế. Đưa Công ty thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu ngành Logistics tại Việt Nam và khu vực.

Tầm nhìn: Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên quyết tâm xây dựng Công ty Vinafreight trở thành một tập đoàn Logistics lớn mạnh, trên cơ sở phát triển ổn định và hiệu quả.

❖ Chiến lược tổng thể trung và dài hạn

Phát huy thế mạnh: Công ty duy trì ổn định các dịch vụ hàng không, phát triển mạnh dịch vụ đường biển cả về xuất và nhập. Giữ vững và tăng hơn nữa dịch vụ logistics trọn gói, tập trung vào những khách hàng lớn hiện có và phát triển thêm các khách hàng mới, đồng thời đầu tư tập trung về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất. Tập trung vào dịch vụ logistics nội địa do thị trường tiêu thụ trong nước vẫn nhiều tiềm năng, công ty có khả năng cạnh tranh cao để cung cấp dịch vụ phân phối và lưu thông sản phẩm. Duy trì thế mạnh tổng đại lý hàng hóa GSA trên thị trường vận chuyển đường hàng không để khai thác thêm các khu vực thị trường mới

Mở rộng thị trường: Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất khẩu từ Campuchia và Lào qua cảnh Việt Nam đi các nước bằng đường biển và hàng không và ngược lại.

Xây dựng thương hiệu: Xây dựng thương hiệu Vinafreight ngày càng phát triển và đủ sức cạnh tranh cả trong và ngoài nước.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Trong định hướng phát triển chung, Vinafreight hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, doanh nghiệp còn phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, đảm bảo rằng những hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

Bên cạnh đó, Vinafreight coi trọng nâng cao nhận thức của CBNV trong việc bảo vệ nguồn nước và nguồn tài nguyên năng lượng, kêu gọi mọi người thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện – nước, có ý thức tốt trong việc bảo vệ môi trường xanh và sạch..

Bên cạnh việc hoạt động kinh doanh, Vinafreight vẫn không quên thực hiện trách nhiệm đối với xã hội với tư cách là một doanh nghiệp trong cộng đồng.

Nhân viên Công ty được định kì tham gia những chuyến tham quan, nghỉ dưỡng do Công ty đài thọ. Ngoài ra, Công ty còn duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng những ngày lễ đặc biệt như 8/3, 20/10, Quốc khánh, Tết,.. phục vụ tốt nhất đời sống tinh thần của nhân viên.

Các hoạt động thể dục, thể thao cũng được nhân viên Công ty hưởng ứng tham gia nhiệt tình. Bên cạnh đó, công tác từ thiện vẫn luôn nằm trong những hoạt động xã hội được Công ty quan tâm.

6. Rủi ro

<p>Rủi ro về kinh tế</p>	<p>Là trung gian trong quá trình lưu chuyển hàng hóa, hoạt động kinh doanh của ngành dịch vụ giao nhận vận tải nói chung, Công ty Vận Tải Ngoại Thương nói riêng chịu rủi ro từ biến động của nền kinh tế. Lạm phát cuối năm 2012 có phần hạ nhiệt, chỉ số tiêu dùng CPI cả năm tăng 6,81%, trong khi đó tốc độ tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 5,03% dẫn đến thị trường tiêu thụ hàng hóa trong nước bị thu hẹp, sức mua giảm, hàng tồn kho tăng, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại,... dẫn đến nhu cầu giao nhận hàng hóa giảm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
<p>Rủi ro đặc thù ngành</p>	<p><u>Rủi ro tỷ giá</u></p> <p>Rủi ro về biến động tỷ giá tác động đến giá thành các nguồn nguyên vật liệu đầu vào, giá cung cấp dịch vụ... làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế và kiềm hãm lạm phát. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong năm được “neo” ở mức 20.828 VND/USD, giá giao dịch thực tế tại các ngân hàng thay đổi trong biên độ khoản 1% cho thấy tỷ giá trong năm qua vẫn ở mức ổn định và không có nhiều biến động.</p> <p><u>Rủi ro biến động giá dầu thô</u></p> <p>Chi phí hoạt động ngành giao nhận vận tải phụ thuộc chủ yếu vào giá xăng dầu. Giá dầu thô trên thế giới chốt phiên giao dịch ngày 31/12/2012 đã lên mức 91,82 USD/thùng, biến động giá dầu thời giới ảnh hưởng đến giá xăng dầu trong nước, cụ thể giá xăng dầu đã điều chỉnh 12 lần với 5 lần điều chỉnh tăng và 7 lần điều chỉnh giảm. Với chi phí đầu vào ngày càng cao trong khi giá cước vận tải khó tăng với tỷ lệ tương ứng do có nhiều sự cạnh tranh trong ngành, dẫn đến hoạt động kinh doanh của Vinafreight bị ảnh hưởng. Đây chính là rủi ro lớn mà ngành giao nhận vận tải thế giới và cả ngành giao nhận vận tải Việt Nam phải đối mặt.</p> <p><u>Rủi ro kinh doanh</u></p> <p>Ngành Logistics Việt Nam có qui mô nhỏ và chưa có sự liên minh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành. Nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp trong ngành đang trở nên thiếu hụt trầm trọng. Mặt khác sức ép từ các doanh nghiệp Logistics nước ngoài càng làm mức độ cạnh tranh trong ngành cao.</p>

	<p><u>Rủi ro thanh toán</u></p> <p>Bị chi phối bởi một đặc thù chung của ngành giao nhận vận tải, Vinafreight cũng như các doanh nghiệp khác thường phải ứng trước cho khách hàng trong việc thanh toán cho các hãng hàng không và hãng tàu biển khi khách hàng sử dụng dịch vụ của Vinafreight. Do vậy, Công ty cũng có khả năng chịu ảnh hưởng bởi rủi ro về thanh toán khi khách hàng gặp khó khăn về tài chính hay sẽ bị vướng mắc trong việc thanh toán do có sai sót trong quá trình vận chuyển.</p>
<p>Rủi ro về luật pháp</p>	<p>Là doanh nghiệp cổ phần hóa từ năm 2002, hoạt động của Vinafreight chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Mặt khác, là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong ngành giao nhận vận tải nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các quy định về thủ tục hải quan cũng như những tác động ảnh hưởng từ các chính sách định hướng và chiến lược phát triển ngành của Nhà nước v.v.</p> <p>Ngoài ra, trong môi trường kinh tế hiện nay Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ,... cũng điều chỉnh không nhỏ hoạt động kinh doanh của công ty. Hiện nay, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.</p>
<p>Rủi ro khác</p>	<p>Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Vinafreight. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, cũng như mua bảo hiểm về con người và hàng hóa.</p>

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2012**1. Tình hình hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Kế hoạch	So với năm 2011 (%)	So kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	650.229.340.596	959.746.185.777	730.000.000.000	147,60%	131,47%
Lợi nhuận trước thuế	35.195.688.184	9.826.308.673	38.000.000.000	27,92%	25,86%
Cổ tức (%)	20%		20%		

Đơn vị: đồng

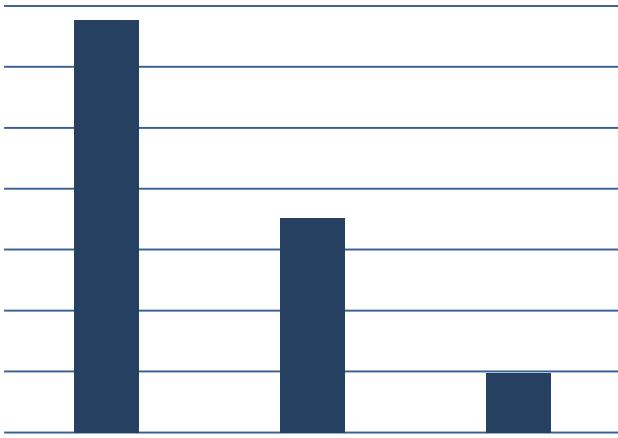
Cơ cấu doanh thu:

ST T	Phòng nghiệp vụ	Giá trị trong Tổng doanh thu 2012	Tỷ trọng
1	Phòng Hàng Không và dịch vụ tổng đại lý GSA cho các hãng hàng không	743.938.343.357	77,51%
2	Phòng Đường biển	76.995.700.958	8,02%
3	Phòng Logistics	24.585.906.275	2,56%
4	Phòng phát triển kinh doanh	63.060.298.740	6,57%
5	Phòng Bình Dương	-	0,00%
6	Bảo quản hàng hóa	6.389.384.761	0,67%
7	Chi nhánh Hà Nội	21.868.023.227	2,28%
	Tổng doanh thu	959.746.185.777	100,00%

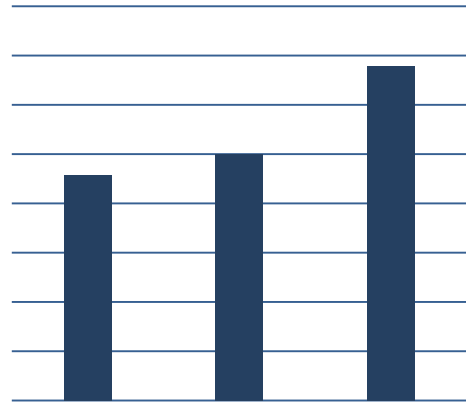
Đơn vị : đồng

Năm 2012, bằng sự cố gắng, nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty, doanh thu thuần đạt 959,75 tỷ đồng bằng 147,6% so cùng kỳ năm trước và đạt 131,47% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,83 tỷ đồng bằng 27,92% so với cùng kỳ năm trước và đạt 25,86% so kế hoạch. Mặc dù kết quả doanh thu thuần đạt mức tăng trưởng ấn tượng là 47,6% vượt mức kế hoạch đề ra, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế lại không đạt được như kì vọng. Nguyên nhân chủ yếu là do tốc độ tăng trưởng doanh thu 47,6% thấp hơn tốc độ tăng trưởng chi phí giá vốn hàng bán 53,62% do nền kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn, sản lượng vận tải hàng không giảm. Ngoài ra, đối với dịch vụ tổng đại lý hàng hóa, tải cung ứng tăng trong khi lượng hàng hóa không tăng dẫn đến tình trạng không cân bằng giữa cung và cầu, do đó giá vận chuyển không thể tăng và lợi nhuận sụt giảm. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam và ngành dịch vụ giao nhận vận tải nói riêng, tuy đây chưa phải là kết quả cao nhất nhưng kết quả mà Công ty đã đạt được rất đáng ghi nhận và khích lệ, tạo tiền đề để Công ty đạt được những thành công mới trong tương lai.

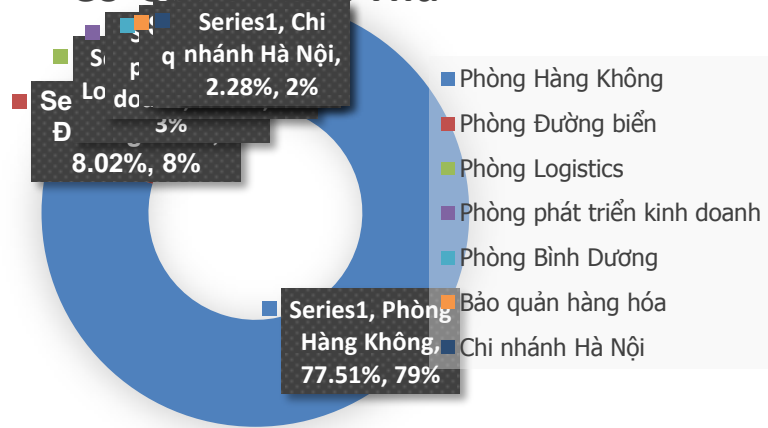
LỢI NHUẬN SAU THUẾ



DOANH THU THUẦN



Cơ Cấu Doanh Thu



2. Tổ chức và nhân sự

❖ **Danh sách và lý lịch thành viên Ban Lãnh đạo**

STT	Thành viên	Chức vụ	Lý lịch
1	Ông Nguyễn	Tổng Giám	Năm sinh : 10/04/1960 Quốc tịch : Việt Nam

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

	Bích Liên	đốc	<p>Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngoại ngữ</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 1,43%</p> <p>Quá trình công tác:</p> <p>-Từ năm 1988 – 2001: công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP.HCM</p> <p>- Từ năm 2001 – đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương</p>
2	Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	<p>Năm sinh : 15/11/1960</p> <p>Quốc tịch : Việt Nam</p> <p>Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>Trình độ chuyên môn : Cử nhân</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,006%</p> <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ năm 1987 - 2002: Nhân viên Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương TP.HCM – Vinatrans</p> <p>Từ năm 2002 – 2008: Trưởng phòng Nhập Hàng không - Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương Vinafreight</p> <p>Từ năm 2008 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương</p> <p>Từ năm 2009 - nay: Thành viên HĐQT công ty Konoike Vina</p>
3	Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	<p>Năm sinh : 28/10/1975</p> <p>Quốc tịch : Việt Nam</p> <p>Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>Trình độ chuyên môn : thạc sĩ</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,0003%</p> <p>Quá trình công tác:</p> <p>Từ năm 1997 - T04/2003: Cán bộ giao nhận Chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương TP.HCM</p> <p>Từ T05/2003 - T09/2003: Phó trưởng phòng Giao nhận đường biển – Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương</p> <p>Từ T10/2003 - nay: Giám đốc chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại thương TP.Hà Nội</p> <p>Từ năm 2008 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương</p>
4	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Kế Toán Trưởng	<p>Ngày tháng năm sinh: 01/12/1974</p> <p>Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>Dân tộc: Kinh</p> <p>Trình độ văn hóa: 12/12</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán.</p> <p>Tỷ lệ sở hữu: 0,07%</p>

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

		<p>Quá trình công tác:</p> <p>1997 - 1998: Công tác tại Công ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng Mới</p> <p>1998 - 2001: Công tác tại Công ty TNHH Việt Đan</p> <p>2001 – 2002: Công tác tại Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh (Vinatrans)</p> <p>2002 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần vận tải Ngoại thương (Vinafreight)</p>
--	--	---

(*) tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến ngày 31/12/2012.

❖ Thống kê về nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	172	100
1	Trình độ trên đại học	2	1.16
2	Trình độ đại học, cao đẳng	98	56.97
3	Trình độ trung cấp	58	33.72
4	Công nhân kỹ thuật	0	0
5	Lao động phổ thông	14	8.13
II	Theo giới tính	172	100
1	Nam	103	59.88
2	Nữ	69	40.12

(tính đến ngày 31/12/2012)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	6.000.000	6.000.000

Trong quá trình phấn đấu không mệt mỏi của cả tập thể, Vinafreight không ngừng đào tạo sâu sắc về nhân sự, đồng bộ hóa công nghệ, liên tục cải tiến dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Nhờ đó Công ty đã có được vị trí và thị phần trên thương trường cũng như uy tín của Công ty ngày càng vững chắc.

Chính sách đào tạo

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để CB-CNV được đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ. Qua đó sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với trình độ và yêu cầu của các đơn vị nhằm đáp ứng kịp thời tình hình phát triển của Công ty cụ thể như sau:

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Đối với cán bộ lãnh đạo, Công ty kết hợp với các trung tâm đào tạo bồi dưỡng chuyên môn về quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính, nhân sự, kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực quản lý các cán bộ chủ chốt trong công ty.

Đối với lao động tại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước như các khóa học đào tạo của tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFFAS...

Đối với lao động trực tiếp, thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn ngoại ngữ, tin học.

Chính sách tiền lương

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống của CB-CNV. Lương bình quân của CB-CNV năm 2009 là 5.000.000 đồng/người/tháng đến năm 2012 lương bình quân đạt 6.000.000 đồng/người/tháng.

Chính sách tiền thưởng

Người lao động được trả tiền thưởng theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty đã được Hội nghị người lao động thông qua. Hàng năm có nhiều đợt thưởng như: Tết Dương lịch, Lễ 30/4, 02/9, Tết nguyên đán...

Chính sách phúc lợi

Cán bộ Công nhân viên được đảm bảo các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn, được giải quyết đầy đủ chế độ nghỉ phép hàng năm, lễ, tết và ngày nghỉ có lương theo quy định.

Hàng năm, Công ty luôn tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty. Bên cạnh đó, sức khỏe của Cán bộ công nhân viên Công ty cũng được chú trọng thông qua các phong trào văn hóa, thể thao của công ty, khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của toàn thể cán bộ công nhân viên.

3. Tình hình thực hiện dự án

❖ Các khoản đầu tư lớn

- *Về đầu tư tài chính*

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Công ty có khoản đầu tư ngắn hạn là 790,4 triệu đồng dưới dạng tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn 03 tháng. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là 77,52 tỷ chủ yếu đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (chiếm 89,46% đầu tư dài hạn).

- *Về đầu tư dự án*

Công ty đã cùng đối tác giải quyết với chính quyền quận 4 về các vướng mắc trong việc đầu tư dự án Kho 196. Hiện nay các bên – nhất là phía chính quyền quận 4 – vẫn còn đang xem xét tính khả thi và tính phục vụ cộng đồng của dự án ở góc độ của cấp quản lý chính quyền, Ngoài ra Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác cùng đầu tư vào Kho Lý Hải và kho Tân Thuận Đông.

Trong năm 2012, Công ty đã đầu tư 100% vốn thành lập Công TNHH hậu cần toàn cầu SFS Việt Nam chuyên về giao nhận vật phẩm y tế và hàng hóa đặc biệt
Bên cạnh đó Công ty đã đầu tư trang bị hệ thống phần mềm nghiệp vụ F.A.S.T. để nâng cao hiệu quả công việc và công tác quản lý.

4. Tình hình tài chính

- ❖ Tình hình hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm
Tổng tài sản	249.848.319.157	339.119.687.315	35,73%
Doanh thu thuần	650.229.340.596	959.746.185.777	47,60%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.263.978.271	6.103.690.707	-80,48%
Lợi nhuận khác	(8.959.452)	(594.621.457)	6536,81%
Lợi nhuận trước thuế	35.195.688.184	9.826.308.673	-72,08%
Lợi nhuận sau thuế	29.638.846.941	6.348.316.711	-78,58%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	37,68%		

Đơn vị tính: đồng

- ❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn Vị	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,695	1,338
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,695	1,338
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,0%	57,2%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	73,9%	139,1%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	2,716	3,259

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,56%	0,66%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	%	22,06%	4,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	12,38%	2,16%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	4,81%	0,64%

5. Thống kê về cổ đông

❖ **Cổ phần**

- Tổng số cổ phần phát hành: 5.600.000 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.584.500 cổ phần
Cổ phiếu quỹ: 15.500 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng

❖ **Thống kê cổ đông**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	312	5.367.800	53,678,000,000	95.85%
	- Nhà nước				
	- Cổ đông tổ chức	19	2.640.350	26,403,500,000	48.70%
	- Cổ đông cá nhân	293	2.727.450	27,274,500,000	3.87%
II	Cổ đông nước ngoài	6	216.700	26,403,500,000	47.15%
	- Cổ đông tổ chức	2	106.300	27,274,500,000	1.90%
	- Cổ đông cá nhân	4	110.400		1.97%
III	Cổ phiếu quỹ		15.500	2,167,000,000	0.28%
Tổng Cộng			5.600.000	56,000,000,000	100.00%

(tính đến ngày 28/03/2013)

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012❖ **Cổ đông lớn (trên 5% vốn điều lệ)**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Transimex-Saigon	0301874259	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q1, TPHCM	1.390.400	13.904.000.000	24,83%
2	Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam	0300648264	406 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM	608.000	6.080.000.000	10,86%
3	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Đông Á	20/UBCK-GP	56-58 Nguyễn Công Trứ, Q1, Tphcm	286.000	2.860.000.000	5,11%
Tổng Cộng				2.284.400	????	????

(tính đến ngày 28/03/2013)

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Trong năm Công ty không có hoạt động mua cổ phiếu quỹ.

III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**1. Đánh giá chung kết quả hoạt động trong năm**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm
Tổng tài sản	249.848.319.157	339.119.687.315	35,73%
Doanh thu thuần	650.229.340.596	959.746.185.777	47,60%
Giá vốn hàng bán	614.196.207.737	943.519.048.446	53,62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.263.978.271	6.103.690.707	-80,48%
Lợi nhuận khác	(8.959.452)	(594.621.457)	6536,81%
Lợi nhuận trước thuế	35.195.688.184	9.826.308.673	-72,08%
Lợi nhuận sau thuế	29.638.846.941	6.348.316.711	-78,58%
EPS	5.206	1.290	-75,22%

ĐVT: đồng

Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn ý thức trách nhiệm trong công tác quản lý, cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ được giao và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng định hướng và kế hoạch đã đề ra và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Doanh thu thuần của Công ty đạt 959,75 tỷ đồng, tăng 47,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy vậy, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 9,83 tỷ đồng giảm 72,08% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 6,34 tỷ đồng giảm 78,85% so với năm 2011.

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Nguyên nhân chủ yếu do tốc độ tăng trưởng giá vốn hàng bán (tăng 53,62%) cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của doanh thu là 47,6%, chi phí tăng bất nguồn từ tình hình kinh tế không khả quan, giá nhiên liệu tăng trong khi giá dịch chưa thể tăng tương ứng. Thị trường vận tải hàng không năm 2012 sụt giảm đáng kể, thêm vào đó là sự mất cân bằng giữa cung và cầu trong thị trường này khi tải cung ứng tăng nhưng sản lượng hàng hóa lại không tăng tương ứng. Nhưng kết quả đạt được trong năm 2012 đã thể hiện những cố gắng không ngừng nghỉ của toàn thể cán bộ nhân viên Vinafreight trên tinh thần vượt khó, rất đáng khích lệ.

❖ Những tiến bộ trong năm Công ty đạt được:

- Doanh thu thuần Công ty năm 2012 có mức tăng trưởng ấn tượng là 47,6% đạt 959,75 tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất vào tổng doanh thu là doanh thu **từ mảng dịch vụ tổng đại lý GSA cho các hãng hàng không** với 743,94 tỷ đồng tăng 50,7% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Dịch vụ gom hàng lẻ (Consol) ngày càng được củng cố và phát triển
- Thương hiệu Vinafreight ngày càng được khách hàng biết đến và công nhận.

2. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	165.224.932.897	249.436.067.848	51,97%
Tài sản dài hạn	84.623.386.260	89.683.619.467	5,98%
Tổng tài sản	249.848.319.157	339.119.687.315	35,73%

❖ Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Thay đổi
Nợ ngắn hạn	97.486.266.863	186.489.378.862	91,30%
Nợ dài hạn	7.464.663.009	7.489.390.009	0,33%
Nợ phải trả	104.950.929.872	193.978.768.871	84,83%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Các phòng ban nghiệp vụ được sắp xếp lại khoa học và phù hợp với năng lực nhân viên hơn, khuyến khích thực hiện các biện pháp tiết kiệm, quản lý chi phí,.. tất cả vì mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện chính sách khen thưởng công bằng, thỏa đáng và phù hợp với sự đóng góp của nhân viên, tạo động lực cho việc bán các loại dịch vụ, thu hút được các nguồn nhân lực khác.
- Thực hiện việc nghiên cứu thị trường để phát triển dịch vụ giao nhận các vật phẩm y tế chuyên dùng, hàng hóa đặc biệt giao nhận theo yêu cầu về thời gian.

4. Kế hoạch kinh doanh và dự kiến đầu tư 2013

❖ Kế hoạch kinh doanh năm 2013

Qua đánh giá môi trường kinh doanh cũng như các nguồn lực của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá về tiềm năng phát triển của công ty trong năm 2013:

Thuận lợi:

- Các chính sách điều hành của Chính phủ đang dần phát tín hiệu hồi phục kinh tế
- Ngành Logistics Việt Nam được đánh giá sẽ tăng trưởng gấp 2 hoặc 3 lần so với tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạ tầng ngành Logistics sẽ được chú trọng phát triển.
- Thương hiệu Vinafreight được khách hàng và các đối tác tin cậy và đánh giá cao về chất lượng dịch vụ.
- Tiềm năng phát triển của Công ty còn lớn và đang đa dạng hóa các dịch vụ sản phẩm tiềm năng.
- Mạng lưới công ty rộng với nhiều đơn vị thành viên, hỗ trợ Công ty trong việc tìm kiếm khách hàng và cung cấp dịch vụ.

Khó khăn

- Ngành Logistics Việt Nam còn ở qui mô nhỏ, chi phí dịch vụ Logistics khá cao (chiếm 15% GDP), gây khó khăn trong việc cạnh tranh với các công ty nước ngoài, đặc biệt các doanh nghiệp trẻ như Vinafreight.
- Kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn còn khó khăn trong năm 2013
- Cạnh tranh trên thị trường vận chuyển hàng không càng thêm khốc liệt khi có thêm một số hãng hàng không chuẩn bị vào Việt Nam
- Có sự mất cân bằng đáng kể giữa cung (tải hàng không) và cầu (sản lượng hàng hóa) trên thị trường vận chuyển hàng không.
- Công tác quản lý chi phí vẫn chưa tốt, chi phí từ dịch vụ thuê ngoài tăng cao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.
- Chưa thực sự đầu tư nghiên cứu, đầu tư công nghệ hiện đại và điều chỉnh chiến lược kinh doanh tập trung chất lượng dịch vụ hơn là cạnh tranh giá.

❖ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và Giải pháp thực hiện

Doanh thu: 1.013 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 24 tỷ

Cổ tức: 12%

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành; (HDQT)

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Tập trung thực hiện các dịch vụ logistics nội địa, vận chuyển hàng quá cảnh theo yêu cầu của khách hàng trên cơ sở phương tiện hiện có và chọn thêm 1 số nhà thầu phụ có năng lực về vận tải, lưu kho;
- Tập trung mạnh vào các thị trường xuất nhập khẩu truyền thống vốn có mức tăng ổn định, cước phí cạnh tranh và khai thác được thế mạnh của Vinafreight trong quan hệ với các hãng hàng không phù hợp với các thị trường này. Ngoài ra, chú ý khai thác thị trường mới như châu Phi, Nam Mỹ ...
- Giữ vững và đẩy mạnh nhân lực về hàng nhập đường biển và hàng không, các dịch vụ trọn gói, đẩy mạnh dịch vụ gom hàng đường biển với chỉ tiêu tăng thêm một số tuyến gom hàng trực tiếp mới ngoài những tuyến đã có.
- Phát triển dịch vụ mới: giao nhận các vật phẩm y tế chuyên dùng, hàng hóa đặc biệt giao nhận theo yêu cầu về thời gian
- Sử dụng tối đa các dịch vụ của các hãng hàng không do công ty Vector (công ty con của VNF) làm tổng đại lý;
- Chọn lọc và phát triển thêm các đại lý mới, đặc biệt là các đại lý ở các thị trường Nam Mỹ và châu Phi. Duy trì tốt quan hệ với các đại lý hiện tại.
- Chú trọng đến chất lượng dịch vụ và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, giảm thiểu những sai sót nghiệp vụ;
- Tập trung thế mạnh tổng đại lý GSA cho các hãng hàng không để nâng cao sản lượng hàng hóa.
- Phân đầu tăng 245 % sản lượng vé máy bay hành khách bán ra trong năm 2013
- Khai thác có hiệu quả mặt bằng văn phòng cho thuê tại tòa nhà Hải Âu 39B Trường Sơn
- Hợp lý hóa các chi phí để tăng hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm các chi phí văn phòng, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí làm hàng, chi phí thuê dịch vụ ngoài.
- Duy trì nhân sự hợp lý, tinh gọn đối với nhân viên hiện trường và nhân viên nghiệp vụ trong văn phòng, thu hút nhân viên bán hàng có chất lượng bằng chính sách thu nhập và khen thưởng phù hợp

❖ Dự kiến đầu tư 2013

Công ty đang xem xét và cân nhắc khả năng liên kết với Công ty CP World Wide Trade & Express 41 vào dự án kinh doanh kho ngoại quan tại khu vực sân bay Tân Sơn Nhất với diện tích 1.500 m².

IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2012, nền kinh tế thế giới và Việt Nam có nhiều bất ổn, kinh tế vĩ mô có nhiều biến động tiêu cực, nợ xấu ngân hàng khiến doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn vay, kinh tế phục hồi chậm dẫn đến việc tìm kiếm đầu ra của các doanh nghiệp càng thêm khó. Trong bối cảnh đó Hội Đồng Quản Trị đã phối hợp rất

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc của công ty, nắm sát tình hình thực tế nhằm đề ra những chủ trương, chính sách và các giải pháp linh hoạt trong kế hoạch kinh doanh để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định của công ty.

Năm vừa qua, bất ổn kinh tế khiến chi phí đầu vào quan trọng đối với Công ty như giá điện, giá nhiên liệu,.. đều có mức tăng không nhỏ đồng thời sự gia nhập ngành Logistics nội địa của những doanh nghiệp nước ngoài đã làm tăng tính cạnh tranh trong ngành. Với những khó khăn như vậy, Công ty vẫn vững vàng vượt khó, tuy chỉ đạt mức lợi nhuận trước thuế khiêm tốn so với năm 2011, nhưng doanh thu thuần của Công ty vẫn tăng với mức tăng ấn tượng 47,6% đạt mức 959,75 tỷ đồng thể hiện những nỗ lực rất lớn trong việc đảm bảo khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2012, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp Hội đồng, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp. Tuy một số chỉ tiêu kế hoạch không đạt được, nhưng theo đánh giá của HĐQT thì Ban Tổng Giám đốc đã rất nỗ lực trong việc điều hành Công ty. Việc thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

- Đẩy mạnh phát triển mảng bán cước vận tải hàng xuất nhập hàng không, đường biển và dịch vụ logistics. Tập trung phát triển lượng hàng nhập do tiềm năng trong thị phần còn rất nhiều.
- Tập trung mạnh vào dịch vụ Logistics và các dịch vụ giá trị tăng thêm.
- Tập trung phát triển mạnh dịch vụ giao nhận các vật phẩm y tế chuyên dùng, hàng hóa đặc biệt giao nhận theo yêu cầu về thời gian
- Mở rộng thị trường, phát triển các khách hàng ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và các tỉnh.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo phục vụ mọi yêu cầu đa dạng của khách hàng. Duy trì, mở rộng các quan hệ khách hàng đã có, đặc biệt chú trọng đến việc giữ vững niềm tin của khách hàng với Công ty.
- Dịch vụ tổng đại lý GSA cần tập trung giữ vững khu vực thị trường truyền thống, đồng thời tận dụng cơ hội để khai thác thêm các thị trường mới và thị trường ngách.
- Khai thác hiệu quả mặt bằng văn phòng cho thuê
- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận trong bối cảnh kinh tế ngắn hạn và trung hạn được dự báo vẫn còn khó khăn.
- Tăng cường qui chế giám sát và quản trị đối với các công ty con

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng Quản trị****❖ Danh sách thành viên HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Thành viên điều hành(A)/ Thành viên độc lập (B)	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch	1,78%	A	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch			
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	1,35%		
4	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên		B	
5	Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên	1,43%	A	
6	Ông Bùi Việt	Thành viên			
7	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên			
8	Ông Chu Việt Cường	Thành viên		B	

(Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 28/03/2013)

❖ Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2012

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do
Cuộc họp thứ 1 (ngày 30/3/2012)				
1	Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch	01/01	
2	Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch	01/01	
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	01/01	
4	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	01/01	
5	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên	01/01	
6	Ông Goh Hock Chong	Thành viên	00/01	Bận việc
7	Ông Nguyễn Hồng Diệp	Thành viên	00/01	Bận việc
Cuộc họp thứ 2 (ngày 09/05/2012)				
1	Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch	01/01	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	01/01	
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	01/01	
4	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	01/01	
2	Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên	01/01	
6	Ông Bùi Việt	Thành viên	01/01	

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

7	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	01/01	
8	Ông Chu Việt Cường	Thành viên	01/01	
Cuộc họp thứ 3 (tháng 7/2012): Họp thông qua email về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2012.				
Cuộc họp thứ 4 (ngày 12/11/2012)				
1	Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch	01/01	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	01/01	
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	01/01	
4	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	01/01	
2	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	01/01	
6	Ông Bùi Việt	Thành viên	01/01	
7	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	01/01	
8	Ông Chu Việt Cường	Thành viên	01/01	

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 3 buổi họp thường kỳ và một cuộc họp thông qua email về việc chọn công ty kiểm toán năm 2012.

Trong các cuộc họp trên, HĐQT tập trung thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến việc điều hành doanh nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, nắm bắt tình hình các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và đưa ra định hướng để Ban Tổng Giám đốc thực hiện, đảm bảo sự phát triển nhất quán của Vinafreight.

❖ **Hoạt động của Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành**

Hội đồng Quản trị Công ty có 2 thành viên độc lập là ông Nguyễn Quang Trung và ông Chu Việt Cường. Trong năm 2012, các thành viên này đều tham gia đồng thời đóng góp những ý kiến tích cực vào các buổi họp thường kỳ và bất thường của HĐQT.

❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Công ty không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

❖ **Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị năm 2012**

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/12/NQ-HĐQT	10/4/2012	Tăng vốn đầu tư vào Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế với số tiền là 27 tỷ đồng. Tổng vốn của công ty TNHH Dịch vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế sau khi tăng
02	02/12/N Q-HĐQT	10/05/2012	Thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

03	03/12/NQ-HĐQT	12/06/2012	Sửa đổi phương án phát hành tăng vốn điều lệ
04	04/12/NQ-HĐQT	28/11/2012	Cử thành viên HĐQT tham gia bổ sung vào hội đồng thành viên công ty TNHH DVHK Véc Tơ Quốc tế (công ty con)

❖ **Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ Quản trị Công ty**

Không có

2. Ban kiểm soát❖ **Danh sách và lý lịch Ban Kiểm soát**

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần(%)
1	Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	0,01%
2	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	
3	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	0,01%

(Tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến ngày 28/03/2013)

❖ **Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2012**

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty. Các thành viên đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và cũng thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có ý kiến tham gia kịp thời.

Các hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm 2012 bao gồm:

- + Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các Quản lý khác trong Công ty.
- + Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban Tổng giám đốc tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong Công ty.
- + Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty.
- + Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội cổ đông, qui định của Điều lệ và pháp luật.
- + Soát xét Báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh (quý, 9 tháng và một năm) của Công ty.

❖ **Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm**

Lần 1: Cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát để bầu Trưởng Ban kiểm soát và lên kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2012.

Lần 2: Thực hiện công tác soát xét báo cáo 9 tháng đầu năm 2012.

Lần 3: Thực hiện công tác kiểm soát cả năm 2012.

Về sự phối hợp hoạt động giữa các Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc: Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

hoàn thành nhiệm vụ. Trong năm 2012, theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.

❖ Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

Về tình hình hoạt động

Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo của HĐQT và BGD về tình hình quản trị công ty và các tổng kết kinh doanh của công ty trong năm 2012.

Về tình hình tài chính

- Các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành đối với công ty niêm yết.
- Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.
- Trong năm 2012, Công ty đã đạt các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau :
 - + Công nợ phải thu khách hàng giảm 68% so với 2011.
 - + Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 68% so với 2011 là do mất 1 số khách hàng lớn, lâu đời của công ty. Thị trường lao động cạnh tranh gay gắt, nhân viên sale giỏi nghỉ việc cũng ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu. Ngoài ra, chi phí thuê đất lại tăng hơn 200%, tăng thêm 1,9 tỷ dẫn đến việc kinh doanh kho cũng gặp nhiều khó khăn.
 - + BKS nhất trí với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL. Qua việc soát xét báo cáo tài chính năm, trao đổi với BGD và kiểm toán viên, Ban Kiểm soát cho rằng báo cáo tài chính năm của Công ty đã phản ánh một cách trung thực tình hình tài chính của công ty trong năm 2012 và tại thời điểm 31/12/2012.

❖ Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý :

Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trong bối cảnh nền kinh tế khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp thua lỗ, nhưng Công ty vẫn kinh doanh có lãi, đó là nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo & tập thể CBCNV trong công ty.

❖ Các đề xuất và kiến nghị

- Việc đầu tư cho phần mềm nghiệp vụ từ 06/2012 sẽ giúp cho công tác theo dõi, kiểm tra, báo cáo tốt hơn , chính xác và kịp thời hơn. Công ty cần tập trung triển khai phần mềm này tới từng bộ phận, đồng thời có biện pháp kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện, bảo đảm sử dụng hiệu quả.
- Nên có hướng cải tiến, nâng cấp phần mềm kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện tại. Xây dựng hệ thống kế toán quản trị, nghiên cứu đầu tư phần mềm có tính tương thích cao, ít nhất là phần dữ liệu với phần mềm dự kiến sử dụng trong khi chưa có điều kiện đầu tư hệ thống ERP.

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- Để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, công ty cần có biện pháp cụ thể mở rộng đầu tư, đa dạng dịch vụ.
- Có biện pháp đánh giá khả năng tài chính của khách hàng, ràng buộc điều kiện nợ và theo dõi tuổi nợ nhằm giảm thiểu rủi ro trong việc thu đòi công nợ.
- Xây dựng và trình HĐQT thông qua đề ban hành Quy trình báo cáo của các công ty con, cụ thể về thời gian, chất lượng báo cáo, đảm bảo thông tin cung cấp cho công ty mẹ là chính xác, đầy đủ và kịp thời.
- Trước mắt cần ban hành và giám sát kế hoạch khóa sổ cụ thể và thông suốt hệ thống công ty mẹ, công ty con và các công ty liên kết đầy nhanh thời hạn ra báo cáo hợp nhất.

❖ Phương hướng hoạt động năm 2013

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đề ra một số mục tiêu phương hướng hoạt động trong năm 2013 như sau:
- Xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát, xác định nội dung trọng tâm có tính chất quyết định đến kết quả sản xuất kinh doanh để tổ chức kiểm tra giám sát.
- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2013
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm của công ty.
- Thực hiện công tác kiểm soát quy trình và kiểm soát theo chuyên đề nhằm đánh giá công tác điều hành cũng như việc tuân thủ các quy định, quy trình quản lý của Công ty và của Pháp luật.

3. Thay đổi thành viên HĐQT, BKS trong năm

Thay đổi trong Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch	Thành viên	26/04/2012
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	Thành viên	
4	Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	-	26/04/2012
5	Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên	-	26/04/2012
6	Ông Nguyễn Hồng Diệp	Thành viên	-	26/04/2012
7	Ông Goh Hock Chong	Thành viên	-	26/04/2012
8	Ông Bùi Tuấn Ngọc	-	Phó Chủ tịch	26/04/2012
9	Ông Nguyễn Quang Trung	-	Thành viên	26/04/2012
10	Ông Bùi Việt	-	Thành viên	26/04/2012

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

11	Ông Lê Duy Diệp	-	Thành viên	26/04/2012
12	Ông Chu Việt Cường	-	Thành viên	26/04/2012

Thay đổi trong Ban Kiểm Soát

STT	Họ Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng Ban	-	26/04/2012
2	Bà Trần thị Bình	Thành viên	-	26/04/2012
3	Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên	-	26/04/2012
4	Bà Nguyễn Bích Liên	-	Trưởng Ban	26/04/2012
5	Ông Nguyễn Tuấn Anh	-	Thành viên	26/04/2012
6	Bà Phan Phương Tuyền	-	Thành viên	26/04/2012

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
❖ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn trong năm 2012

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với CĐNB/CĐ lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kì		Số cổ phiếu sở hữu cuối kì		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Cổ đông lớn	180,000	3,20%	286,000	5,12	Mua
2	Công ty CP Kho vận giao nhận Ngoại Thương TP.HCM	Cổ đông lớn			1,390,400	24,90%	Mua
3	Công ty CP Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (VNL)	Ông Nguyễn Nam Tiến-TV HĐQT làm CT	85,000	1,50%	0	0%	Bán
4	Nguyễn Huy Diệu	Phó TGD	10,350	0,20%	350	0,006%	Bán
5	Phạm Đức Cường	Phó TGD	4,720	0,08%	20	0,0004%	Bán
6	Nguyễn Bích Liên	BKS			500	0,009%	Mua

VINAFREIGHT- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

7	Vũ Thế Đức	TV HĐQT	170,450	3,05%	75.650	1,35%	Bán
---	------------	---------	---------	-------	--------	-------	-----

❖ Lương, thưởng, thù lao trong năm 2012 của HĐQT, BKS

Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện chi trả lương cho Ban Tổng Giám đốc là 1.113.217.014 đồng và tạm thời chưa chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

❖ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2012, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị công ty theo qui định của pháp luật, của cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và Điều lệ hoạt động của Vinafreight.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Số: 13.133/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 07 đến trang 37 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.436.067.848	165.224.932.897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	76.416.083.600	62.017.393.746
1. Tiền	111		41.139.704.813	32.256.048.282
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.276.378.787	29.761.345.464
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		790.400.000	1.124.712.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	790.400.000	1.124.712.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	126.939.015.573	65.291.849.647
1. Phải thu khách hàng	131		127.868.655.998	66.988.103.339
2. Trả trước cho người bán	132		1.566.602.939	370.433.992
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		3.006.020.623	2.095.603.977
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.502.263.987)	(4.162.291.661)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.290.568.675	36.790.977.504
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	1.442.786.252	1.800.972.499
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.700.470.733	3.734.188.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	38.147.311.690	31.255.816.882

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.683.619.467	84.623.386.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		6.013.204.305	6.879.865.895
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	4.450.416.773	5.339.608.141
+ Nguyên giá	222		13.857.261.108	13.112.263.426
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.406.844.335)	(7.772.655.285)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.562.787.532	1.540.257.754
+ Nguyên giá	228		1.833.681.679	1.622.084.179
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(270.894.147)	(81.826.425)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	77.522.720.052	71.493.146.007
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		69.349.124.751	61.266.422.680
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.122.755.327	10.522.755.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(2.949.160.026)	(296.032.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.147.695.110	6.250.374.358
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	1.770.194.148	2.032.097.298
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.10)	4.377.500.962	4.218.277.060
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		339.119.687.315	249.848.319.157

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		193.978.768.871	104.950.929.872
I. Nợ ngắn hạn	310		186.489.378.862	97.486.266.863
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	15.612.452.998	5.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	(5.12)	136.505.968.646	58.056.950.469
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	9.712.983.816	10.095.681.186
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	3.681.780.789	5.697.214.300
5. Phải trả người lao động	315	(5.14)	4.407.597.439	1.927.198.821
6. Chi phí phải trả	316	(5.15)	6.387.520.011	6.596.489.224
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.16)	4.986.059.906	7.042.537.604
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.17)	5.195.015.257	3.070.195.259
II. Nợ dài hạn	330		7.489.390.009	7.464.663.009
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.18)	6.899.674.888	6.985.561.316
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			404.093.950
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		589.715.121	75.007.743
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.480.123.571	142.034.251.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	139.480.123.571	142.034.251.828
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.656.416.453	2.634.566.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			1.518.523.655
4. Cổ phiếu quỹ	414		(352.133.529)	(334.785.778)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.391.558.348	2.429.765.250
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.852.924.829	3.589.888.504
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		153.218.880	142.604.845
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.226.773.056	855.980.776
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.19.6)	72.551.365.534	75.197.708.176
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.20)	5.660.794.873	2.863.137.457
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		339.119.687.315	249.848.319.157

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<u>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		1.312.920,29	1.443.854,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		962.915.479.305	651.759.672.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.169.293.528	1.530.332.375
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	959.746.185.777	650.229.340.596
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	943.519.048.446	614.196.207.737
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.227.137.331	36.033.132.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	14.965.583.601	21.176.329.223
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	8.071.326.489	6.538.591.975
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.223.357.319	311.666.668
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	17.017.703.736	19.406.891.836
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.103.690.707	31.263.978.271
11. Thu nhập khác	31		224.541.969	13.240.990
12. Chi phí khác	32		819.163.426	22.200.442
13. Lợi nhuận khác	40		(594.621.457)	(8.959.452)
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		4.317.239.423	3.940.669.365
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.826.308.673	35.195.688.184
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.477.991.962	5.556.841.243
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.348.316.711	29.638.846.941
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(855.261.626)	567.316.133
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7.203.578.337	29.071.530.808
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.19.5)	1.290	5.206

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.826.308.673	35.195.688.184
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.823.256.772	1.598.671.894
Các khoản dự phòng	03		3.993.100.352	2.857.178.987
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(82.706.188)	(871.716.074)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.174.024.322)	(14.701.082.119)
Chi phí lãi vay	06		1.223.357.319	311.666.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.609.292.606	24.390.407.540
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.087.865.917)	1.478.289.655
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		50.414.120.765	(14.410.126.938)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		620.089.397	(2.519.265.600)
Tiền lãi vay đã trả	13		(937.034.507)	(233.750.001)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.983.039.964)	(12.530.516.744)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19.100.481.528	30.367.905.340
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(26.958.493.213)	(28.009.568.528)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(2.222.449.305)	(1.466.625.276)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(956.595.182)	(3.166.710.460)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			11.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4.157.488.000)	(13.277.762.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.522.200.000	26.262.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.075.240.000)	(7.366.321.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.698.700.855	9.590.806.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.031.577.673	12.053.194.736

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		3.624.489.800	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		61.236.520.661	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.624.067.663)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.568.350.000)	(11.577.709.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.668.592.798	(6.577.709.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		13.477.721.166	4.008.860.460
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		62.017.393.746	56.694.193.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		920.968.688	1.314.339.979
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		76.416.083.600	62.017.393.746

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

Báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty được đăng tải trên Website: www.vinafreight.com.vn

Chữ kí xác nhận của người đại diện theo pháp luật

Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương

TP.HCM, ngày tháng năm 2013

Tổng Giám đốc

NGUYỄN BÍCH LÂN